

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 13-8-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Văn Hiệp
Bà Nguyễn Hồng Phượng
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: Số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang. Địa chỉ cũ: Số D, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1988; Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Số D, N, phường V, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; (có mặt)

Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1977; (có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: khóm T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2024 (BL01) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào 07/4/2023, Ngân hàng TMCP K chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng ký kết Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 với ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H vay số tiền là 90.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng). Mục đích vay: Bỏ sung vốn nuôi tôm. Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 07/4/2024. Lãi suất vay: 16,1%/năm.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp sau: Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 336/18/HĐTC – BDS/2101 – 7768 ngày 24/8/2018 ký giữa ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H cụ thể như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416279, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03299 do UBND thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/5/2018; thửa đất số 13; tờ bản đồ số 4; diện tích 7.076,5m²; Hình thức sử dụng: riêng; Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản; Thời hạn sử dụng đất: 01/7/2064; đất tọa lạc tại: Khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ.

Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng TMCP K Chi nhánh thị xã V đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H nhận đủ số tiền vay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Sau khi vay thì phía ông D, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 13/8/2025, ông D, bà H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng cộng số tiền là 115.978.550 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc 90.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.039.563 đồng; Tiền lãi quá hạn: 24.798.575 đồng; Phí phạt chậm trả lãi: 140.412 đồng.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tính đến ngày 13/8/2025 tổng cộng số tiền là 115.978.550 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc 90.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.039.563 đồng; Tiền lãi quá hạn: 24.798.575 đồng; Phí phạt chậm trả lãi: 140.412 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/8/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ gồm tài sản như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416279, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03299 do UBND thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/5/2018; thửa đất số 13; tờ bản đồ số 4; diện tích 7.076,5m²; đất tọa lạc tại: Khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày tại phiên tòa: Thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng và còn nợ tiền như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vừa trình bày, do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu Ngân hàng cho trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim H trình bày tại phiên tòa: Thống nhất theo ý kiến ông Nguyễn Văn D là chồng bà H vừa trình bày, ngoài ra không có ý kiến gì trình bày thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền 115.978.550 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc 90.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.039.563 đồng; Tiền lãi quá hạn: 24.798.575 đồng; Phí phạt chậm trả lãi: 140.412 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023 kể từ ngày 14/8/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông D và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có ký Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023 với bên vay ông Nguyễn Văn D, bà Huỳnh Thị Kim H, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà H trả nợ không đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu ông D và bà H trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2025). Tổng cộng là 115.978.550 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc 90.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 1.039.563 đồng; Tiền lãi quá hạn: 24.798.575 đồng; Phí phạt chậm trả lãi: 140.412 đồng.

[3.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023*
Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 07/4/2023 và giấy nhận nợ ngày 07/4/2023 ông D và bà H nhận tiền vay của Ngân hàng là 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 16,1%/năm lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông D và bà H thực hiện trả nợ gốc và lãi nhưng ông D và bà H vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Khi ông D và bà H ký Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng bổ sung vốn nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật

Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự và được các bị đơn thừa nhận, không phản đối. Tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023 có lãi suất thỏa thuận 16,1%/năm, đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà H phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] *Xét Hợp đồng thế chấp số 336/18/HĐTC – BDS/2101 – 7768 ngày 24/8/2018 Hội đồng xét xử thấy*: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông D và bà H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 416279, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03299 do UBND thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/5/2018; thửa đất số 13; tờ bản đồ số 4; diện tích 7.076,5m²; đất tọa lạc tại: Khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H đứng tên đã thế chấp cho Ngân hàng. Các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội; Hợp đồng thế chấp được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm, không đương sự nào phản đối, khiếu nại. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nếu ông D và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định Điều 10 của Hợp đồng thế chấp số 336/18/HĐTC – BDS/2101 – 7768 ngày 24/8/2018 mà các bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2025 (BL51-52) thì quyền sử dụng đất được đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 416279 cấp ngày 08/5/2018 thuộc thửa đất số 13; tờ bản đồ số 4; diện tích 7.076,5m²; đất tọa lạc tại: Khóm T, phường V, thành phố Cần Thơ, trên đất có tồn tại những tài sản sau: 01 căn nhà, kết cấu khung cột bê tông + cây, vách thiết, mái tôn, nền lát gạch tàu; cây

trồng trên đất gồm: 01 cây dừa loại B, 02 cây nhãn loại A, 01 cây cau loại A, 01 cây bạch đàn loại A, phần đất còn lại là 04 ao nuôi tôm bỏ hoang.

[4] Đối với bị đơn trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên cho bị đơn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 14/8/2025) ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã tạm ứng trước nên ông D và bà H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 320, Điều 325, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H phải liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2025) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 90.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 1.039.563 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 24.798.575 đồng;
- Lãi chậm trả: 140.412 đồng

Tổng cộng 115.978.550 đồng (một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 14/8/2025) ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 097/23/HĐTD/2101 – 7768 ngày 07/4/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D và bà H không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 336/18/HĐTC – BĐS/2101 – 7768 ngày 24/8/2018 đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ, bị đơn ông D và bà H phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để phát mãi.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định: 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã tạm ứng trước nên ông D và bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên lại cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kim H phải liên đới chịu 5.798.928 đồng (năm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.429.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006427, ngày 11/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc

Trăng, nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPCT (Phòng KT, TT, NV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

